

Bản án số: 45/2022/DS-PT
Ngày 30/9/2022
“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà **Nguyễn Thúy Hằng**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh** và ông **Bùi Đức Thanh**

Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Thảo** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông **Lê Khắc Sơn** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLPT- DS ngày 25/8/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐ - PT ngày 08 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 71/2022/QĐ –PT ngày 22/9/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng B** (L); địa chỉ trụ sở: đường T, phường TT, quận Hẻm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện: ông **Nguyễn Việt T** - Chức vụ: Trưởng ban tổ tụng, phòng Xử lý nợ phía Bắc - Ngân hàng B; bà **Nguyễn Thị B** - Chức vụ: Chuyên viên phòng Xử lý nợ phía Bắc - Ngân hàng B và bà **Nguyễn Thị H** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 8581/2022/UQ-L ngày 06/7/2022. Ông T và bà H, có mặt; bà B, vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** ông **Đào Văn H** và bà **Vũ Thị H1**; cùng nơi ĐKKH: tổ 6, khu 1, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: tổ 4, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông **Hoàng Hải H2** và bà **Phạm Thị C**; cùng địa chỉ: tổ 43A, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Ông H2, vắng mặt; bà C, có mặt.

- Ông **Vũ Văn Hòa** và bà **Vũ Thị Tươi**; cùng địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đều có mặt.

4. ***Người kháng cáo:*** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2020 và trong quá trình tố tụng người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng B (viết tắt là Ngân hàng B), trình bày:*

Ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 có các quan hệ tín dụng với Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011, ông H - bà H1 vay số tiền 500.000.000 đồng; phương thức cho vay: từng lần; mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô; thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền; lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng B tại thời điểm giải ngân, phương thức áp dụng lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên khế ước nhận nợ mỗi lần rút vốn vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên cho ông H – bà H1 theo khế ước nhận nợ số: 31011/190/KU-001 ngày 10/12/2011, tại khế ước nhận nợ đã thể hiện: thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 24%/năm; trả nợ lãi: hàng tháng vào ngày 20; trả nợ gốc: cuối cùng vào ngày 10/12/2012.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông H - bà H1 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² tại thửa số 57, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh cùng tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa - bà Vũ Thị Tươi, chuyển nhượng cho ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã (nay là thành phố) U xác nhận ngày 23/11/2010, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 31010/HĐTC/08 ngày 07/12/2010, giữa Bên thế chấp ông Đào Văn H – bà Vũ Thị H1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh.

- Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012, ông H - bà H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng; phương thức cho vay: theo món; mục đích vay: vay tiêu dùng hoàn vốn mua nhà; thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền; phương thức áp dụng lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên khế ước nhận nợ mỗi lần rút vốn vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên cho ông H – bà H1 theo khế ước nhận nợ số: 31012/36/KU-001 ngày 22/02/2012, tại khế ước nhận nợ đã xác định: thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 23%/năm; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 20; trả nợ gốc vào ngày trả nợ cuối cùng 22/02/2013.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông H - bà H1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012,

giữa Bên thế chấp ông Đào Văn H – bà Vũ Thị H1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: ông H – bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể ông H - bà H1 mới trả được 9.950.000 đồng tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012 và 7.083.333 đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011. Do đó, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H – bà H1 phải trả cho Ngân hàng B số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2020, là 4.748.770.138 đồng. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011: số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 80.298.695 đồng; nợ lãi quá hạn là 708.755.422 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012: số tiền nợ gốc là 1.390.050.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 157.208.334 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.912.457.687 đồng.

- Trong thời gian chưa trả nợ, ông H – bà H1 phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay.

- Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông H - bà H1 không trả nợ hoặc chỉ trả một phần khoản nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Đào Văn H trình bày: tôi và bà Vũ Thị H1 là vợ chồng, có vay tiền của Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền theo như thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho vợ chồng tôi. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng tôi đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² và tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa – bà Vũ Thị Tươi, chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã U xác nhận ngày 23/11/2010, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31010/HĐTC/08 ngày 07/12/2010 và Quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012. Tôi chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B nhưng đề nghị Ngân hàng B giãn nợ và miễn khoản lãi phạt, trường hợp Ngân hàng B đã giãn nợ mà vợ chồng tôi không trả được nợ thì Ngân hàng B được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.*

Đôi với: quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào

Văn H - bà Vũ Thị H1, có nguồn gốc do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Hải H2 - bà Phạm Thị C; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 57, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh cùng tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa - bà Vũ Thị Tươi, có nguồn gốc do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn Hòa - bà Vũ Thị Tươi; địa chỉ: khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Việc chuyển nhượng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu điều hợp pháp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với vợ chồng tôi. Sau khi nhận chuyển nhượng, do chưa có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng tôi vẫn để ông H2 - bà C, ông Hòa - bà Tươi sử dụng. Về ý kiến của ông H2 - bà C và ông Hòa - bà Tươi, cho rằng họ không ký vào các giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà thực chất chỉ là giao dịch vay nợ, tôi không đồng ý vì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, đã làm đúng theo trình tự quy định của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng đất là vợ chồng tôi. Do sức khỏe yếu, nên tôi xin được vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Vũ Thị H1 trình bày: nhất trí lời trình bày và quan điểm của bị đơn ông Đào Văn H nêu trên. Tôi xin được vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án và tại các phiên tòa.*

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Hải H2, là bà Phạm Thị C trình bày: quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cùng tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, từ trước đến nay vẫn thuộc quyền sử dụng và sở hữu của vợ chồng tôi, không thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ai khác. Tài sản này, gia đình tôi chỉ ký hợp đồng thế chấp tài sản cho ông H để ông H cho con tôi là anh Hoàng Văn Trường vay tiền, chứ gia đình tôi không chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông H - bà H1. Quan điểm của gia đình tôi là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/10/2011, là không có giá trị pháp lý nên Ngân hàng B khởi kiện ông H – bà H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² cùng tài sản gắn liền với đất, địa chỉ: tổ 43A, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, gia đình tôi không chấp nhận để Ngân hàng B xử lý tài sản của gia đình tôi vì gia đình tôi không chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông H - bà H1.*

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Hòa và bà Vũ Thị Tươi trình bày: quyền sử dụng đất diện tích 179,8m² và tài sản*

gắn liền với đất, tại thửa số 57, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa – bà Vũ Thị Tươi, chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã U xác nhận ngày 23/11/2010, từ trước đến nay vẫn thuộc quyền sử dụng và sở hữu của vợ chồng chúng tôi, không thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ai khác. Chúng tôi không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H - bà H1 quyền sử dụng đất này, chỉ thế chấp để vay tiền của ông H. Ngân hàng B khởi kiện ông H – bà H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 178,9 m² và tài sản gắn liền với đất, địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi không chấp nhận để Ngân hàng B xử lý tài sản của gia đình tôi vì chúng tôi không chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất này cho ông H - bà H1.

** Kết quả xem xét thẩm định, tại chỗ ngày 07/6/2021, đối với tài sản thế chấp:*

- Đối với quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 57, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa – bà Vũ Thị Tươi, chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã U xác nhận ngày 23/11/2010, kết quả: quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² tại thực địa phù hợp với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và không có biến động gì. Về tài sản gắn liền với đất gồm có: 01 căn nhà 01 tầng diện tích 96,5m²; 01 căn nhà 01 tầng diện tích 18,7m²; 01 căn nhà 01 tầng lợp mái ngói diện tích 8,0m²; 01 mái tôn diện tích 26,6m² và 01 bể nước 10m³.

- Đối với quyền sử dụng đất diện tích đất 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, kết quả: quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² tại thực địa phù hợp với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và không có biến động gì. Về tài sản gắn liền với đất gồm có: 01 căn nhà 02 tầng và 01 tum, diện tích các tầng là: 66,5m² + 68,5m² + 11m² = 146m²; 01 căn nhà 01 tầng lợp mái tôn diện tích 47m².

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 317; Điều 319; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B.

[1.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Đào Văn H, bà Vũ Thị H1 phải trả cho Ngân hàng B số tiền tính đến ngày 08/7/2022:

- Số tiền 1.289.054.117 đồng (*một tỷ, hai trăm tám chín triệu, không trăm năm tư nghìn, một trăm mười bảy đồng*) trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*); lãi trong hạn: 80.298.695 đồng (*tám mươi triệu, hai trăm chín tám nghìn, sáu trăm chín năm đồng*); lãi quá hạn: 708.755.422 đồng (*bảy trăm linh tám triệu, bảy trăm năm năm nghìn, bốn trăm hai hai đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011.

- Số tiền 3.459.716.021 đồng (*ba tỷ, bốn trăm năm chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, không trăm hai một đồng*) gốc là 1.390.050.000 đồng (*một tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*); lãi trong hạn: 157.208.334 đồng (*một trăm năm bảy triệu, hai trăm linh tám nghìn, ba trăm ba bốn đồng*); lãi quá hạn: 1.912.457.687 đồng (*một tỷ, chín trăm mười hai triệu, bốn trăm năm bảy nghìn, sáu trăm tám bảy đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012.

Tổng cả 02 khoản nợ là: 4.748.770.138 đồng (*bốn tỷ, bảy trăm bốn tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, một trăm ba tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Đào Văn H, bà Vũ Thị H1 còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[1.2] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đào Văn H, bà Vũ Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 11, khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD615153 do UBND thị xã U cấp ngày 10/6/2008 mang tên ông Vũ Văn Hòa và bà Vũ Thị Tươi chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 và quyền sử dụng diện tích đất 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH203347 do UBND thành phố U cấp ngày 21/12/2011 mang tên ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác thì ông Đào Văn H, bà Vũ Thị H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi toàn bộ khoản nợ được tất toán.

Trường hợp ông Đào Văn H, bà Vũ Thị H1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Hải H2, bà Phạm Thị

C và ông Vũ Văn Hòa bà Vũ Thị Tươi phải giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý tài sản.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

- Ngày 20/6/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Các đương sự có mặt tại phiên tòa, không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: tôi vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, gia đình tôi đã nhiều lần đề nghị Ngân hàng B tạo điều kiện cho gia đình tôi được trả nợ gốc để lấy lại tài sản nhưng không được chấp nhận. Thực tế gia đình tôi chỉ thế chấp cho anh Hải để vay tiền cho con, đã trả gần hết nợ nên tôi yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1, là thuộc về quyền sử dụng của ông Hoàng Hải H2 và bà Phạm Thị C, Ngân hàng B không có quyền xử lý để thu hồi nợ của ông H – bà H1.

- Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng B trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: Ngân hàng B không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị C, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử y án sơ thẩm. Đối với đề nghị của gia đình bà C, phải có mặt ông H – bà H1 mới giải quyết được và khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2022) là 3.459.716.021 đồng, nếu chỉ đề nghị trả nợ gốc thì không đảm bảo. Về việc này, Ngân hàng B đề nghị gia đình bà C thỏa thuận với ông H – bà H1, rồi cùng thỏa thuận với Ngân hàng B tại giai đoạn thi hành án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Hòa và bà Vũ Thị Tươi trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: gia đình tôi cũng giống gia đình bà C, chỉ ký thế chấp vay tiền của ông H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để gia đình tôi được nhận lại tài sản.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự (trừ bị đơn ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1), đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Đối với đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Tươi, làm trong hạn luật định và hợp lệ. Ngày 26/7/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: 162/TB-TA và giao cho bà Vũ Thị Tươi vào ngày 28/7/2022 nhưng đã hết thời hạn 10 ngày, kể từ ngày bà Vũ Thị Tươi nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Vũ Thị Tươi không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được coi là bà Vũ Thị Tươi từ bỏ việc kháng cáo.

Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng B, bà Nguyễn Thị B, bị đơn ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Hải H2 đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đề bảo đảm các khoản vay của ông H – bà H1 theo Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012 giữa bên cho vay Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh và bên vay ông H – bà H1, ông H – bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² và tài sản gắn liền với đất tại tổ 11, khu L, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD615153 do UBND thị xã U cấp ngày 10/6/2008 mang tên ông Vũ Văn Hòa và bà Vũ Thị Tươi chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã (nay là thành phố) U xác nhận ngày 23/11/2010, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

số 31010/HĐTC/08 ngày 07/12/2010 và quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012. Tại thời điểm Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh và ông H – bà H1 ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31010/HĐTC/08 ngày 07/12/2010 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012 thì các tài sản thế chấp nêu trên đều là tài sản hợp pháp của ông H – bà H1, không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào; hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có công chứng chứng thực, được đăng ký thế chấp, giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị C cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, từ trước đến nay vẫn thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông H2 – bà C, gia đình bà C không chuyển nhượng cho ông H – bà H1, gia đình bà C chỉ ký hợp đồng thế chấp tài sản cho ông H để ông H cho con bà C là anh Hoàng Văn Trường vay tiền. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định ông H2 – bà C đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông H - bà H1, không có căn cứ xác định ông H2 – bà C thế chấp tài sản cho ông H để ông H cho con bà C vay tiền như bà C trình bày; bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này. Ông H2 – bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông H – bà H1 từ ngày 31/10/2011; ông H – bà H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1 và thế chấp cho Ngân hàng B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012. Do ông H – bà H1 vi phạm nghĩa vụ tại các hợp đồng tín dụng. Ngày 27/7/2020, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông H – bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ;...; ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông H - bà H1 không trả nợ hoặc chỉ trả một phần khoản nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trong suốt thời gian dài và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với ông H - bà H1; khi xem xét, thẩm định tại chỗ xác định gia đình bà C đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp nhưng gia đình bà C không khiếu nại, khởi kiện (trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án); không có cầu độc lập trong vụ án (mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích), để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do ông H – bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B về xử lý tài sản thế

chấp là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C không được chấp nhận, tuy nhiên bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với bà C.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 157; khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 317; Điều 319; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B.

[2] Buộc ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B các khoản nợ (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2022), như sau:

- Số tiền 1.289.054.117 đồng (*Một tỷ, hai trăm tám chín triệu, không trăm năm tư nghìn, một trăm mười bảy đồng*). Trong đó: nợ gốc là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); nợ lãi trong hạn là 80.298.695 đồng (*Tám mươi triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm chín năm đồng*); nợ lãi quá hạn là 708.755.422 đồng (*Bảy trăm linh tám triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn, bốn trăm hai hai đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011.

- Số tiền 3.459.716.021 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, không trăm hai một đồng*). Trong đó: nợ gốc là 1.390.050.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*); nợ lãi trong hạn là 157.208.334 đồng (*Một trăm năm bảy triệu, hai trăm linh tám nghìn, ba trăm ba tư đồng*); nợ lãi quá hạn là 1.912.457.687 đồng (*Một tỷ, chín trăm mười hai triệu, bốn trăm năm bảy nghìn, sáu trăm tám bảy đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, ông Đào Văn H – bà Vũ Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Kể từ ngày Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đào Văn H – bà Vũ Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 57, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa – bà Vũ Thị Tươi, chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã U xác nhận ngày 23/11/2010, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31010/HĐTC/08 ngày 07/12/2010, giữa Bên thế chấp ông Đào Văn H – bà Vũ Thị H1 và Bên nhận thế chấp Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh, để thu hồi nợ của Hợp đồng tín dụng số: 31011/HĐTD/190 ngày 10/12/2011.

- Quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012, giữa Bên thế chấp ông Đào Văn H – bà Vũ Thị H1 và Bên nhận thế chấp Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Ninh, để thu hồi nợ của Hợp đồng tín dụng số: 31012/HĐTD/36 ngày 22/02/2012.

Ông Vũ Văn Hòa - bà Vũ Thị Tươi phải bàn giao quyền sử dụng đất diện tích 178,9m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 57, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: tổ 11, khu L, phường Y, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD615513 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/6/2008 mang tên người sử dụng đất ông Vũ Văn Hòa – bà Vũ Thị Tươi, chuyển nhượng cho ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã U xác nhận ngày 23/11/2010, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31010/HĐTC/08 ngày 07/12/2010; ông Hoàng Hải H2 - bà Phạm Thị C phải bàn giao quyền sử dụng đất diện tích 64,5m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất ô số 18, tờ bản đồ số 48; địa chỉ: khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH203347 do Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/12/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đào Văn H - bà Vũ Thị H1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31012/HĐTC/36 ngày 22/02/2012, để Ngân hàng B yêu cầu xử lý tài sản.

[4] Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp, không đủ trả nợ thì ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng B cho đến khi trả hết khoản nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: buộc ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng B 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*), tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Về án phí:

Buộc ông Đào Văn H và bà Vũ Thị H1 phải chịu 112.748.770 đồng (*Một trăm mười hai triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng B 54.276.000 đồng (*Năm mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 00003484 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Phạm Thị C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố U;
- Chi cục THADS thành phố U;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh Bùi Đức Thanh

Nguyễn Thúy Hằng